

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi và Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4123/TTr-SNN-CNTY ngày 19 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Nguyên tắc xác định mật độ chăn nuôi

1. Việc xác định mật độ chăn nuôi của tỉnh Nghệ An đến năm 2030 căn cứ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt đến năm 2030; kế hoạch phát triển chăn nuôi của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 và khả năng phát triển tổng đàn vật nuôi trên cơ sở điều kiện thực tế, định hướng phát triển trong thời gian tới của từng địa phương.

2. Mật độ chăn nuôi tỉnh Nghệ An đến năm 2030 đảm bảo theo quy định tại khoản 4, Điều 22, Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.



Điều 3. Mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh

Mật độ chăn nuôi của tỉnh Nghệ An đến năm 2030 tối đa không vượt quá 1,0 đơn vị vật nuôi (ĐVN)/01 ha đất nông nghiệp. Mật độ chăn nuôi tối đa của các huyện, thành phố, thị xã được quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các địa phương phổ biến, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, quản lý mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

b) Căn cứ mật độ chăn nuôi quy định tại quyết định này, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo công tác phát triển chăn nuôi phù hợp với từng địa phương. Trong trường hợp cần sửa đổi, bổ sung mật độ chăn nuôi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Tổ chức triển khai công tác phát triển chăn nuôi trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của địa phương và đảm bảo quy định mật độ chăn nuôi quy định tại quyết định này.

b) Hàng năm, tổng hợp kết quả phát triển đàn vật nuôi trên địa bàn báo cáo UBND tỉnh qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp làm cơ sở trong công tác xây dựng kế hoạch, chỉ đạo phát triển chăn nuôi, thu hút các dự án đầu tư chăn nuôi.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/11/2023. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo, Công TTĐT;
- Lưu: VT, NN (3).M45.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

PHỤ LỤC**Mật độ chăn nuôi tối đa của các huyện, thành, thị
trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030***(Ban hành kèm theo Quyết định số: 28 /2023/QĐ-UBND ngày
/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)*

TT	Các huyện, thị xã, thành phố	Mật độ chăn nuôi (ĐVN/ha)
1	Thành phố Vinh	1,56
2	Thị xã Cửa Lò	1,47
3	Huyện Diễn Châu	1,80
4	Huyện Yên Thành	2,00
5	Huyện Quỳnh Lưu	1,81
6	Thị xã Hoàng Mai	1,57
7	Huyện Nghi Lộc	1,76
8	Huyện Hưng Nguyên	1,74
9	Huyện Nam Đàn	1,47
10	Huyện Đô Lương	1,73
11	Huyện Thanh Chương	1,88
12	Huyện Anh Sơn	2,02
13	Huyện Nghĩa Đàn	2,35
14	Thị xã Thái Hòa	1,74
15	Huyện Tân Kỳ	2,35
16	Huyện Quỳnh Hợp	1,93
17	Huyện Quỳnh Châu	0,65
18	Huyện Quế Phong	0,44
19	Huyện Con Cuông	0,47
20	Huyện Tương Dương	0,38
21	Huyện Kỳ Sơn	0,41
Mật độ trung bình toàn tỉnh		1,00

M